

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 19-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Thanh Chiều

2. Ông Lý Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 15 và 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị Tú T; tên gọi khác: G; sinh năm: 1985, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nguyên A1 và bà Trần Thị B; có chồng: Võ Hoàng T1 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, vào ngày 30/3/2020 bị Công an Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác”, số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong ngày 31/03/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 10 năm 2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T2; sinh năm: 1938; nơi cư trú: ấp M1, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt, xin vắng mặt khi tuyên án);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Tú T3; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 30/8/2020, Trần Thị Tú T điều khiển xe mô tô biển số: 83PT-166.59 đến Trung tâm huyện M, tìm người già yếu để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến ấp N, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, T gặp bà Nguyễn Thị T2 thì dừng xe lại và nói với bà T2: “Bà lão ơi ở khúc chùa, có người cho gạo kìa!”, bà T2 nói: “Tao không đi đâu”, T nói tiếp: “Bà lên xe con đi, con đi xin cho bà!”, sau đó bà T2 đồng ý lên xe cho T chở đi về đường H1. Trên đường đi, bà T2 nói với T: “Đường này đâu có chùa!” thì T trả lời: “Tháng 7 này, Việt kiều người ta về cho gạo tại nhà!”, T tiếp tục điều khiển xe đi vào một con hẻm tại ấp C1, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng rồi dừng xe lại và kêu bà T2 xuống xe, nhưng bà T2 không xuống xe được nên T âm bà T2 xuống xe. T nói: “Bà ngồi ở đây đi để con đi nói với người ta!”, T bỏ đi vài bước rồi quay lại, T chỉ tay vào chiếc nhẫn của bà T2 đang đeo trên tay và nói: “Bà tháo chiếc cà rá ra cất đi, đeo người ta thấy người ta không cho bà à!”, nghe vậy, bà T2 tự tháo chiếc nhẫn ra, nhưng bị kẹt ở khớp ngón tay nên T tháo tiếp bà T2. Khi tháo chiếc nhẫn ra, T lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi áo của T. Đồng thời, T dùng tay móc túi áo của bà T2 ra cái khăn, T mở khăn lấy 400.000 đồng bỏ vào túi áo của T, trong khăn còn lại 114.000 đồng T gói lại và bỏ trở vào túi áo của bà T2. Sau đó, T nói với bà T2: “Bà ngồi ở đây đi một chút có người lại cho gạo và cho thêm 3.000.000 đồng nữa!”, rồi lên xe bỏ đi. Sau đó, T điều khiển xe đi đến Tiệm vàng N2 tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng bán chiếc nhẫn được số tiền 2.580.000 đồng. Đối với bà T2, sau khi không thấy T quay lại thì bà T2 móc cái khăn trong túi áo ra kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 400.000 đồng và chiếc nhẫn nên bà T2 đến trình báo Công an Thị trấn H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 30/KLĐGTS-HĐKĐ.ĐGTS ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Mỹ Tú kết luận: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 97% 23K, trọng lượng 0,5 chỉ, giá khảo sát thị trường ngày 30/8/2020 là: 5.260.000 đồng/chỉ, thành tiền: 2.630.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã thu giữ và xử lý: Trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị T2 01 (một) chiếc nhẫn vàng, loại nhẫn trơn, bên trong có khắc chữ MVP 5P, 97% và 400.000 đồng; Trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3 số tiền 2.580.000 đồng. Đang tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 278183, biển số 83PT-166.59 tên chủ xe Trần Thị Tú T.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSMT ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Trần Thị Tú T về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo khi nói lời sau cùng.

Bị hại bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Về phần trách nhiệm dân sự bà T2 đã nhận lại đủ số tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm; về trách nhiệm hình

sự bà T2 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3 vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo T, nhưng kết luận bị cáo T phạm tội nhẹ hơn và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T phạm “Tội Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, i, n, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét; về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo T 01 (một) xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 278183, biển số 83PT-166.59 tên chủ xe Trần Thị Tú T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Trong quá trình điều tra, bà Phan Thị Tú T3 đã có lời khai không có yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự nên việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại bà T2. Lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại bà T2, cụ thể: Vào khoảng 08 giờ ngày 30/8/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số: 83PT-166.59 đến Trung tâm huyện M, tìm người già yếu để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến ấp N, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo T gặp bị hại T2 thì dừng xe lại dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không có thật: “Có người

cho gạo”, nhằm tạo lòng tin cho bị hại T2 đồng ý lên xe cho bị cáo T chở đi đến một con hẻm tại ấp C1, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng rồi dừng xe lại âm bà T2 xuống xe và yêu cầu bị hại T2 tháo chiếc nhẫn vàng đang đeo trên tay ra. Khi bị cáo T giúp bị hại T2 tháo chiếc nhẫn ra, lợi dụng bị hại T2 thiếu quan sát bị cáo T lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi áo của bị cáo, đồng thời dùng tay móc cái khăn trong túi áo của bị hại T2 mở ra giả vờ gói chiếc nhẫn lại rồi bỏ vào túi áo trả bị hại T2, nhưng thực tế bị cáo T lợi dụng bị hại T2 không quan sát tiếp tục lén lút lấy số tiền 400.000 đồng của bị hại T2. Như vậy, hành vi lợi dụng người già yếu thiếu quan sát để lén lút lấy trộm tài sản người khác của bị cáo T đã đủ các yếu tố cấu thành “Tội Trộm cắp tài sản”. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đã truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo T. Tại phiên tòa Kiểm sát viên áp dụng Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự kết luận hành vi của bị cáo T về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan sai đối với hành vi của bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy, hành vi của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo T là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác” chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Mặc dù, tài sản bị cáo T lấy trộm của bị hại có giá trị thực tế không lớn và đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nhưng hành vi của bị cáo đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, gây mất an toàn, trật tự tại địa phương. Mặt khác, bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì lười lao động, cần tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình mà bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Do bị cáo T phạm tội đối với bị hại bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1938 là người trên 70 tuổi nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã nộp tiền thu lợi bất chính trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tài sản mà bị cáo T lấy trộm đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nên thiệt hại về vật chất không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đang mang thai và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, n, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt: Như đã nhận định hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho

xã hội và đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, xem xét về hoàn cảnh gia đình bị cáo T thuộc hộ cận nghèo; bị cáo mới phạm tội lần đầu; trong quá trình điều tra bị cáo luôn thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo bằng mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Đối với yêu cầu xin được hưởng án treo của bị cáo T, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo T là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác” chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Theo khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết Số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo T không có đủ điều kiện hưởng án treo nên yêu cầu của bị cáo không được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng thì bị hại bà Nguyễn Thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tú T3 đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, truy tố tạm giữ của bị cáo T 01 (một) xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 278183, biển số 83PT-166.59 tên chủ xe Trần Thị Tú T. Xét thấy xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM là tài sản chung của bị cáo T và ông Võ Hoàng T1 và đây là phương tiện duy nhất gia đình dùng để kiếm sống hàng ngày, nếu bị tịch thu, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các thành viên trong gia đình nên căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo T 01 (một) xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 278183, biển số 83PT-166.59 tên chủ xe Trần Thị Tú T.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về mức hình phạt, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt thấp hơn mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị nhưng bằng mức khởi điểm của khung hình phạt.

[12] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 106; Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, h, i, n, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bị cáo Trần Thị Tú T phạm “Tội Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú T 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Trần Thị Tú T chấp hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về xử lý vật chứng vụ án: Trả lại cho bị cáo Trần Thị Tú T 01 (một) xe mô tô biển số 83PT-166.59, nhãn hiệu SYM và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 278183, biển số 83PT-166.59 tên chủ xe Trần Thị Tú T.
5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Tú T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt khi tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi Cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân